

# **BÀN VỀ NGUỒN HỌC LIỆU PHỤC VỤ SINH VIÊN TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC THEO PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO TÍN CHỈ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

ThS. Nguyễn Thị Trang Nhung, ThS. Phạm Tiến Toàn\*

## **Mở đầu**

Trong những năm gần đây, đổi mới giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng đã và đang được Đảng, Nhà nước và các cấp quản lý giáo dục đặc biệt quan tâm. Với phương châm *"Đổi mới giáo dục đại học là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước"* (Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020), giáo dục bậc đại học đã có nhiều thay đổi tích cực. Đáng chú ý là mô hình đào tạo theo tín chỉ đã được áp dụng thay thế cho mô hình đào tạo theo niên chế. Với ưu điểm lấy người học làm trung tâm và năng lực người học được chú trọng, mô hình đào tạo theo tín chỉ cho phép sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hơn so với đào tạo theo niên chế nếu họ có khả năng học vượt và tích lũy được đủ số tín chỉ và điểm trung bình chung theo yêu cầu của Nhà trường. Việc triển khai mô hình đào tạo theo tín chỉ thành công gắn liền với nhiều yếu tố, trong đó

---

\* Giảng viên Khoa TT-TV, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN.

nguồn học liệu đóng một vai trò cốt yếu, quyết định đến sự thành công trong học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên.

## 1. Đặc điểm của phương thức đào tạo theo tín chỉ

### 1.1. Mô hình đào tạo theo tín chỉ

*Tín chỉ* (credit) là đại lượng xác định khối lượng kiến thức, kỹ năng mà sinh viên tích lũy được từ môn học trong 15 giờ tín chỉ. Trong đó, *giờ tín chỉ* là đại lượng đo thời lượng học tập của sinh viên (Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010).

So với chương trình đào tạo theo niên chế, đào tạo theo tín chỉ có những thay đổi lớn trong phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra, đánh giá và cách học của sinh viên. Hình thức học tập theo tín chỉ yêu cầu sinh viên cần phải tự học và chủ động tiếp cận tài liệu của các môn học. Mặt khác, giảng viên ngoài việc cung cấp tài liệu cho sinh viên, mỗi tuần họ cũng phải yêu cầu sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp (Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010).

### 1.2. Vai trò của nguồn học liệu đối với mô hình đào tạo theo tín chỉ

Nguồn học liệu luôn có vị trí quan trọng trong mọi loại hình đào tạo. Với mô hình đào tạo theo tín chỉ, một lần nữa vai trò của nguồn học liệu lại được khẳng định và nó có thể quyết định đến sự thành bại của mô hình đào tạo này. Bởi nguồn học liệu phong phú, dồi dào sẽ giúp cho giảng viên chuẩn bị và cập nhật bài giảng được đầy đủ và sinh viên có thể khai thác tài nguyên đó một cách tối ưu. Có thể thấy, đối với chương trình đào tạo theo tín chỉ của các trường đại học, khi bắt đầu giảng dạy một môn học, giảng viên luôn chú trọng việc cung cấp *nguồn học liệu bắt buộc và đọc thêm* để cho sinh viên tham khảo. Do đó, sinh viên muốn học



tập tốt trên lớp và tự học thì cần tìm đến các nguồn học liệu do giáo viên cung cấp. Để làm được điều này, thư viện và các phòng tư liệu của các Khoa sẽ là môi trường giúp sinh viên có thể tìm tài liệu phục vụ cho việc học tập hiệu quả. Thư viện hay phòng tư liệu phải là nơi cung cấp đầy đủ các tài liệu cần thiết và không gian học tập cho sinh viên, là nơi tư vấn thông tin giúp sinh viên có thể tự học và tự nghiên cứu. Do đó, đối với một trường đại học, xây dựng nguồn học liệu khoa học và đa dạng cần được chú trọng để giúp cho việc học và dạy theo tín chỉ hiệu quả và thành công.

## **2. Đánh giá nguồn học liệu theo phương thức đào tạo theo tín chỉ hiện nay**

Với mô hình đào tạo theo tín chỉ, sinh viên thường gặp một số khó khăn và thuận lợi sau:

### **2.1. Thuận lợi**

#### *2.1.1. Có nhiều lựa chọn trong việc tiếp cận các nguồn tin*

Chúng ta đang sống trong xã hội thông tin, do đó sinh viên có điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận với rất nhiều nguồn tin đa dạng và phong phú, phục vụ cho việc nghiên cứu và học tập theo mô hình đào tạo tín chỉ. Về cơ bản, họ có hai kênh tiếp cận thông tin chính:

Kênh thông tin thứ nhất là từ các trung tâm thông tin - thư viện trong/ngoài trường và kho tư liệu của Khoa, nơi họ theo học. Đối với hệ thống Trung tâm TT-TV ngoài Trường, sinh viên có thể khai thác thông tin từ rất nhiều loại hình thư viện như thư viện công cộng, trung tâm TT-TV của các Viện nghiên cứu, các trường đại học, hoặc có thể là thư viện tư nhân. Nếu như hệ thống các trung tâm thông tin - thư viện ngoài trường đòi hỏi sinh viên phải chủ động trong việc tìm kiếm và khai thác tài liệu để có được

thông tin thích hợp phục vụ cho việc học và nghiên cứu của mình thì thư viện của các trường đại học lại là nơi cung cấp tài liệu có nội dung chủ yếu tập trung vào các ngành học, đang được đào tạo tại trường. Và các phòng tư liệu tại các Khoa đóng vai trò hạt nhân trong việc phục vụ tài liệu chuyên ngành cho sinh viên. Với kênh thông tin này, loại hình tài liệu chủ yếu mà sinh viên tìm đến là các tài liệu vật lý như sách, báo và tạp chí.

Kênh thông tin thứ hai là nguồn tài liệu trực tuyến được truy cập qua mạng Internet. Đối với kênh thông tin này, sinh viên có nhiều điều kiện thuận lợi để truy cập các nguồn tài nguyên số đa dạng và đặc biệt là tính cập nhật rất cao. Sinh viên có thể khai thác thông tin qua kênh này ở bất cứ nơi nào miễn là họ kết nối với Internet.

### *2.1.2. Các trường đại học tập trung phát triển học liệu phục vụ cho mô hình đào tạo tín chỉ*

Trong tiến trình chuyển đổi mô hình đào tạo từ niên chế sang tín chỉ, song hành với sự thay đổi về nội dung và phương pháp dạy - học, các trường đại học cũng tập trung phát triển các nguồn học liệu trong thư viện và các phòng tư liệu. Dựa vào danh mục các tài liệu tham khảo của các môn học thuộc các ngành học được đào tạo tại trường, trung tâm thông tin - thư viện tại các trường đại học sẽ tiến hành bổ sung các tài liệu vật lý (sách, báo và tạp chí) hoặc đăng ký mua quyền khai thác và sử dụng các cơ sở dữ liệu thích hợp. Phòng tư liệu tại các Khoa trực thuộc tại trường là nơi bổ sung các tài liệu vật lý cũng như nguồn tài nguyên số ở cấp độ chi tiết sâu hơn và sát hơn với nhu cầu tin của sinh viên.

### *2.1.3. Đề cương mỗi môn học liệt kê các tài liệu tham khảo và thông tin chỉ dẫn cho việc khai thác các tài liệu này*

Một trong những yêu cầu cơ bản đối với một đề cương môn học theo khung chương trình đào tạo tín chỉ là liệt kê các tài liệu tham khảo và thông tin thư mục chỉ dẫn giúp sinh viên có thể tìm



kiếm và tiếp cận với các tài liệu đó. Danh sách tài liệu tham khảo còn chỉ rõ mỗi tài liệu nên tham khảo ở mức độ và phạm vi như thế nào, ví dụ: đâu là tài liệu đọc bắt buộc, đâu là tài liệu tham khảo, tham khảo từ trang bao nhiêu đến trang bao nhiêu, hoặc từ địa chỉ trực tuyến nào. Hơn nữa, ngoài việc cung cấp phạm vi nội dung của học liệu tham khảo, danh sách này còn có khả năng định hướng cho người học trong việc chủ động tìm hiểu sâu hơn và rộng hơn nội dung họ cảm thấy hứng thú được đề cập đến trong môn học.

## **2.2. Khó khăn**

### *2.2.1. Khó lựa chọn được thông tin thích hợp*

Sinh viên có thể bị choáng ngợp trước sự đa dạng về số lượng cũng như chất lượng thông tin phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của mình. “Bùng nổ thông tin” là hiện tượng được nhắc đến khá nhiều trong xã hội thông tin và một trong những hệ quả tiêu cực mà nó mang lại đó là việc cung cấp quá nhiều thông tin nhiều đối với người dùng tin nói chung và sinh viên nói riêng. Đặc biệt là khi sinh viên tham gia vào môi trường Internet, tại đây họ có thể tiếp cận với rất nhiều nguồn tin khác nhau và không phải thông tin nào cũng cần thiết cho môn học của họ thậm chí có những thông tin lỗi thời không còn giá trị hoặc bị sai lệch.

### *2.2.2. Kỹ năng tìm kiếm thông tin phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu còn hạn chế*

Thực tế, các thư viện và các phòng tư liệu tại các trường đại học Việt Nam chưa có nhiều các chương trình hoặc khóa đào tạo về kỹ năng khai thác hiệu quả kho tài nguyên hiện có của thư viện, phòng tư liệu hoặc các cơ sở dữ liệu đã đăng ký mua quyền truy cập. Có thể thấy, đại đa số sinh viên đều chưa được trang bị những kỹ năng bài bản trong việc tìm kiếm thông tin

phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học trong mô hình đào tạo tín chỉ. Rất nhiều sinh viên không có đủ điều kiện để thực hành tìm kiếm thông tin do thiếu máy tính và mạng Internet. Một số khác có kỹ năng tìm kiếm thông tin thì các kỹ năng này đều do học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau hoặc tự mày mò tìm hiểu nên đôi khi chưa khai thác thực sự hiệu quả kho tài nguyên rộng lớn trên mạng Internet. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên gặp nhiều khó khăn trong việc truy cập và sử dụng các nguồn tin sẵn có trên Internet và thiếu các kỹ năng cần thiết đối với việc đánh giá và xử lý thông tin trên Internet (Kuiper, Volman & Tewel, 2008, trích từ Kabaksi, Firat, Izmirli & Kuru, 2010).

*2.2.3. Đối với nhiều chuyên ngành đang được đào tạo, rất ít tài liệu tham khảo được xuất bản bằng tiếng Việt*

Hiện nay, có nhiều ngành đang được đào tạo tại các trường đại học thiếu tài liệu tham khảo được viết hoặc xuất bản bằng tiếng Việt. Đây cũng là một thử thách không nhỏ đối với học sinh trong môi trường đào tạo theo tín chỉ vốn khuyến khích và tạo điều kiện cho họ tìm hiểu và đọc nhiều tài liệu tham khảo khác nhau. Xét trên mặt bằng chung, kỹ năng đọc hiểu các tài liệu được viết bằng tiếng nước ngoài của sinh viên là chưa tốt. Do đó, chỉ có một tỷ lệ nhỏ sinh viên sử dụng được loại tài liệu này cho việc học tập và nghiên cứu của mình.

*2.2.4. Thư viện chưa phát huy hết vai trò tư vấn và cung cấp các dịch vụ thông tin cho sinh viên*

Có thể thấy rằng các trung tâm thông tin – thư viện trong các trường đại học chưa phát huy đầy đủ vai trò của mình trong bối cảnh đào tạo theo loại hình học chế tín chỉ. Để có thể thực hiện đúng vai trò và trách nhiệm của mình trong một trường đại học, thư viện cần phải đáp ứng được nhiều tiêu chí khác nhau từ nguồn tài nguyên, trang thiết bị, nhân sự cho đến các sản phẩm và dịch vụ khai thác cung cấp thông tin. Đây vốn dĩ vẫn đang là



các thử thách đặt ra đối với thư viện các trường đại học đào tạo theo tín chỉ, tuy nhiên bài viết xin nhấn mạnh một số điểm tồn tại cần phải triển khai khắc phục ngay để có thể đảm bảo mô hình đào tạo theo tín chỉ có thể triển khai đồng bộ trong nhà trường.

Thứ nhất, thư viện chưa phát huy tốt các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ và cung cấp thông tin dành cho sinh viên. Dịch vụ này ngoài việc cung cấp các thông tin học thuật phục vụ cho việc dạy và học theo mô hình đào tạo tín chỉ còn phải có khả năng tư vấn và hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm và khai thác thông tin. Hơn nữa, dịch vụ này còn có vai trò trang bị kiến thức thông tin cho sinh viên bằng cách kết hợp với các đơn vị liên quan triển khai các chương trình đào tạo về kiến thức thông tin, kiến thức máy tính, kỹ năng tìm tin hoặc nhiều kiến thức và kỹ năng khác với mục đích giúp sinh viên có thể khai thác thông tin trong và ngoài thư viện một cách hiệu quả.

Thứ hai, thư viện chưa cung cấp được môi trường mạng phục vụ cho việc truy cập, tra cứu và khai thác thông tin trực tuyến cho sinh viên. Môi trường này không chỉ thể hiện vai trò tiện dụng và nhanh chóng trong việc khai thác thông tin mà còn tạo điều kiện cho sinh viên có thể tiếp cận với các kho cơ sở dữ liệu trực tuyến trong nước và quốc tế, tạo cho sinh viên thói quen tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn thông tin cập nhật phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu của mình.

Thứ ba, sinh viên trong các trường đại học ít có điều kiện tiếp cận với các cơ sở dữ liệu tính phí. Đây là vấn đề đã diễn ra trong nhiều năm nay và tồn tại trong hầu hết các trường đại học. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến thực tế này như kỹ năng tìm kiếm thông tin của sinh viên còn hạn chế cộng với kỹ năng đọc hiểu bằng tiếng nước ngoài không tốt nên không có nhu cầu khai thác; kinh phí mua các cơ sở dữ liệu quá cao nên các thư viện không thể đáp ứng...

Thứ tư, để học vượt và tích lũy được tín chỉ theo đúng nguyện vọng, sinh viên có thể học kỳ hè. Tuy nhiên, nhiều sinh viên phản ánh rằng thư viện không mở cửa vào thời gian hè, hoặc chỉ mở vào một khoảng thời gian nhất định trong hè, do đó sinh viên gặp khó khăn trong quá trình tự học, tìm tài liệu, làm bài tập nhóm và khảo sát chuyên ngành tại các cơ quan TT-TV.

### **3. Một số kiến nghị xây dựng nguồn học liệu tại các thư viện trường đại học phục vụ mô hình đào tạo tín chỉ**

#### ***3.1. Phản ánh đại đa số tài liệu tham khảo được đề cập đến trong các đề cương môn học***

Nguồn học liệu phục vụ mô hình đào tạo tín chỉ cần phản ánh đại đa số các tài liệu được đề cập trong các đề cương môn học. Để đạt được tiêu chí này, quá trình bổ sung phát triển nguồn học liệu cần phải dựa trên danh sách các tài liệu tham khảo trong đề cương mỗi môn học. Việc phản ánh đầy đủ các tài liệu này đối với nguồn học liệu tại trường đại học không phải là câu chuyện đơn giản có thể giải quyết trong ngày một ngày hai. Tuy nhiên, đây cần được coi là một trong những điều kiện tiên quyết, quyết định đến chất lượng đào tạo. Việc phát huy tối đa khả năng bổ sung các tài liệu này làm nguồn tài sản riêng cho nguồn học liệu là cần thiết. Trong trường hợp chưa thể sở hữu những tài liệu này, việc mua quyền truy cập tạm thời hoặc liên kết với các nguồn học liệu của các cơ quan thông tin - thư viện khác cũng là một giải pháp cần được tính đến.

#### ***3.2. Tài liệu cần được thể hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau***

Tài liệu được thể hiện dưới nhiều hình thức sẽ giúp cho nguồn học liệu được triển khai đến sinh viên một cách đa dạng và phong phú. Xét về loại hình vật mang tin thì có thể chia thành hai loại tài liệu cơ bản là tài liệu vật lý và tài liệu số. Đối với tài liệu vật lý, cần thiết phải bổ sung đầy đủ đầu tài liệu và số lượng tài liệu



phục vụ cho sinh viên theo các kỳ học tín chỉ. Đối với tài liệu số, việc mua quyền sở hữu, quyền truy cập, hoặc tham gia các mô hình liên kết chia sẻ dữ liệu của các cơ sở dữ liệu mang tính học thuật là điều quan trọng và cần được chú trọng triển khai. Ngoài ra, việc số hóa các tài liệu vật lý cũng cần thiết. Bởi một mặt, việc số hóa này sẽ hỗ trợ cho việc lưu trữ tài liệu, mặt khác, nó cung cấp cho sinh viên nhiều sự lựa chọn hơn trong việc truy cập và khai thác.

### *3.3. Tổ chức và sắp xếp nguồn học liệu khoa học và hợp lý*

Sự dễ dàng và thuận tiện trong việc khai thác thông tin của nguồn học liệu đóng vai trò cốt yếu trong việc khuyến khích sinh viên sử dụng nguồn học liệu.

Đối với tài liệu vật lý, việc sắp xếp và tổ chức hệ thống kho đóng hay mở cần phải đảm bảo đến mức tối đa sự thuận tiện đối với sinh viên từ việc tìm kiếm và sử dụng. Kho đóng cần triển khai các dịch vụ phục vụ người đọc một cách tốt nhất trong khi tài liệu kho mở cần được sắp xếp sao cho hầu hết sinh viên ở trong trường có thể hiểu được và dễ dàng tự tìm kiếm tài liệu mình cần. Đặc biệt nguồn học liệu vật lý cần có không gian tự nghiên cứu hoặc tự học tập một cách khoa học. Cụ thể, khu vực sử dụng tài liệu cần được thiết kế sao cho thuận lợi cho việc đọc và nghiên cứu của sinh viên, ví dụ như không gian, không khí, cách bố trí bàn ghế và ánh sáng.

Kho tài nguyên số cần được xây dựng và cung cấp cho sinh viên trên môi trường mạng với các công cụ tra cứu và khai thác thân thiện, hiệu quả. Sinh viên với mọi hình thức học đều có thể dễ dàng truy cập vào các dịch vụ tra cứu và cung cấp thông tin để tìm kiếm cũng như khai thác thông tin qua mạng Internet. Đây được coi là hình thức tra cứu tài nguyên thông tin phổ biến nhất đối với đại đa số sinh viên. Đối với các cơ sở dữ liệu bên ngoài, tức

là nguồn dữ liệu đã được mua quyền truy cập vĩnh viễn hoặc định kỳ, cần phải có những hướng dẫn cụ thể và tỉ mỉ về cách thức tìm kiếm, khai thác để sinh viên có thể sử dụng các tài nguyên số này một cách hữu dụng.

### ***3.4. Liên kết với các nguồn học liệu khác***

Liên kết với các nguồn học liệu khác là một trong những hình thức hợp tác chia sẻ dữ liệu giúp cho nguồn học liệu phục vụ đào tạo tin chỉ trở nên đầy đủ và hoạt động hiệu quả hơn. Bởi nguồn tài nguyên của họ sẽ trở nên lớn hơn và giá trị sử dụng của nguồn tài nguyên thông tin cũng được nhân lên nhiều lần.

Một trong những hình thức liên kết hiệu quả và phổ biến là sự hợp tác, liên kết giữa các cơ quan thông tin - thư viện của các trường đại học đặc biệt là các trường đại học có chung nhiều chuyên ngành đào tạo theo mô hình đào tạo tin chỉ.

Một hình thức khác cũng được nhiều cơ quan thông tin - thư viện tại các trường đại học phát huy đó là hình thức liên kết với nhiều cơ sở dữ liệu khoa học trên thế giới như ProQuest, EBSCO, ScienceDirect,... Với hình thức liên kết này, nguồn học liệu sẽ có điều kiện tốt nhất trong việc bao phủ phạm vi của các nguồn tin khoa học có uy tín trên thế giới.

### ***3.5. Luôn có các hình thức marketing để thu hút sinh viên sử dụng***

Để kích cầu sinh viên tìm đến với nguồn học liệu tại thư viện, các hình thức quảng bá sản phẩm và dịch vụ thông tin tại thư viện đại học cần được đẩy mạnh và phát huy. Marketing hiệu quả phụ thuộc vào các ý tưởng và chiến lược của cán bộ thư viện. Ngoài ra, nguồn học liệu đa dạng, phong phú, kinh phí và các chính sách của thư viện đối với bạn đọc cũng giúp cho quá trình marketing được thành công.



## Kết luận

Mô hình đào tạo theo tín chỉ đã và đang đem lại những thành công và thuận lợi bước đầu cho nền giáo dục Việt Nam trong xu thế hội nhập thế giới. Tuy nhiên, mô hình này cũng tạo ra nhiều thách thức cho các trường đại học trong quá trình giảng dạy, đặc biệt là cung cấp nguồn học liệu hiệu quả. Để xây dựng nguồn học liệu tốt đáp ứng yêu cầu đào tạo theo tín chỉ, các thư viện, phòng tư liệu cần chú trọng đến việc bổ sung tài liệu phù hợp với đề cương môn học, cung cấp tài liệu ở nhiều dạng khác nhau để sinh viên có thể khai thác được nguồn thông tin được đầy đủ nhất. Ngoài ra việc liên kết chia sẻ nguồn học liệu giữa các cơ quan thông tin - thư viện cần được đẩy mạnh, làm tăng số lượng và chất lượng nguồn học liệu tại các thư viện, đáp ứng hiệu quả được nhu cầu của người dùng tin.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại học Quốc gia Hà Nội (2010). Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.9-10.
2. Kabaksi, I. Firat, M., Izmirli, S., & Kuru, E. (2010). Opinions of Teachers on Using Internet Searching Strategies: An Elementary School Case in Turkey, 1(1). Truy cập tại [http://docs.google.com/viewer?a=v&q=cache:5ANWRkWB1-EJ:www.tojqi.net/articles/TOJQI\\_1\\_1/TOJQI\\_1\\_1\\_Article\\_4.pdf+Teachers%E2%80%99+approaches+to+finding+and+using+research+evidence:+an+information+literacy+perspective&hl=vi&gl=vn&pid=bl&srcid=ADGEE5g2vmgDrNscCQXazN2HdzqzJDRQlcORbuRj2EBvfSDphSoy1KvgbnJWoHojzRd7Q5gqhHtJ6JhvzC5tJtDs4\\_WJJro0T9IWTtxnHJHTo1PNBG5cVbl7pL-sn9uQQ\\_92ICP6P2QK&sig=AHIEtbT7m0Znvzo5AWLCUEuBnlTZWqPpUw](http://docs.google.com/viewer?a=v&q=cache:5ANWRkWB1-EJ:www.tojqi.net/articles/TOJQI_1_1/TOJQI_1_1_Article_4.pdf+Teachers%E2%80%99+approaches+to+finding+and+using+research+evidence:+an+information+literacy+perspective&hl=vi&gl=vn&pid=bl&srcid=ADGEE5g2vmgDrNscCQXazN2HdzqzJDRQlcORbuRj2EBvfSDphSoy1KvgbnJWoHojzRd7Q5gqhHtJ6JhvzC5tJtDs4_WJJro0T9IWTtxnHJHTo1PNBG5cVbl7pL-sn9uQQ_92ICP6P2QK&sig=AHIEtbT7m0Znvzo5AWLCUEuBnlTZWqPpUw)